Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 50 /2020/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 20 tháng 4 năm 2020*

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
C.V ĐẾN Số: 421
Ngày: 20/4/2020
Chuyển: VPUB
Lưu hồ sơ:

Phòng: CT, các PCT. Các Sở: KHĐT, TC, NN&PTNT. Đăng tải lên Cổng TTĐT.

NGHỊ ĐỊNH
Quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Bên viện trợ là Chính phủ nước ngoài, tổ chức quốc tế, tổ chức được Chính phủ nước ngoài ủy quyền, tổ chức phi Chính phủ, tổ chức và cá nhân nước ngoài khác cung cấp trực tiếp viện trợ khẩn cấp không hoàn lại nhằm cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức thành lập theo pháp luật Việt Nam; có chức năng, nhiệm vụ và hoạt động phù hợp với mục tiêu và nội dung của các khoản viện trợ gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

b) Cơ quan trung ương của tổ chức chính trị - xã hội;

c) Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

3. Đối tượng thụ hưởng viện trợ.

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, doanh nghiệp bị ảnh hưởng bởi thiên tai.

4. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai tại Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ" là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động cứu trợ theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Phòng chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 03 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

2. "Viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai" là các khoản viện trợ không hoàn lại, không vì mục đích lợi nhuận của Bên viện trợ để thực hiện các hoạt động khắc phục hậu quả thiên tai theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Phòng chống thiên tai, được phê duyệt và thực hiện trong thời gian 09 tháng kể từ khi thiên tai xảy ra.

3. "Cơ quan chủ quản" là các cơ quan nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này.

4. "Chủ khoản viện trợ" là các tổ chức được cơ quan chủ quản giao tiếp nhận, quản lý khoản viện trợ.

5. "Đơn vị sử dụng viện trợ" là các cơ quan, tổ chức được cấp có thẩm quyền giao sử dụng các khoản viện trợ.

6. "Quyết định tiếp nhận viện trợ khẩn cấp để cứu trợ" là văn bản quyết định của cơ quan có thẩm quyền về tiếp nhận các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, bao gồm những nội dung chính: Tên khoản viện trợ; bên viện trợ; cơ quan chủ quản; chủ khoản viện trợ; mục tiêu của khoản viện trợ; tổng giá trị viện trợ; phương án phân bổ; trách nhiệm thực hiện.

7. "Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai" là văn bản quyết định của Thủ tướng Chính phủ về chủ trương tiếp nhận các khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai bao gồm những nội dung chính: Tên khoản viện trợ; bên viện trợ; bên tiếp nhận viện trợ; mục tiêu của khoản viện trợ; tổng giá trị viện trợ; phương án phân bổ viện trợ.

8. "Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai" là tài liệu trình bày: bối cảnh; sự cần thiết; mục tiêu; nội dung chủ yếu của khoản viện trợ; kết quả, hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường; tổng vốn viện

trợ, cơ cấu vốn; phương thức viện trợ; điều kiện của bên viện trợ (nếu có); hình thức tổ chức quản lý thực hiện khoản viện trợ.

9. Viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước là các khoản viện trợ bằng hàng, bằng tiền do phía Việt Nam quản lý và chi tiêu theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước và các văn bản liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ phải công khai, minh bạch, đúng mục đích, kịp thời, hiệu quả, đúng đối tượng; có sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các bộ, ngành, địa phương, tổ chức và cá nhân có liên quan.

2. Không tiếp nhận những hàng hóa không được phép nhập khẩu theo quy định của pháp luật, các khoản viện trợ gây ảnh hưởng xấu đến môi trường, sức khỏe cộng đồng, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, xâm hại đến lợi ích của Nhà nước và của Nhân dân.

3. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản viện trợ phải thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và cam kết với Bên viện trợ.

Điều 5. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận viện trợ

1. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho các hoạt động thuê kho, bến bãi tiếp nhận và các chi phí liên quan khác theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước, phù hợp với phân cấp quản lý ngân sách nhà nước. Nguồn kinh phí và trách nhiệm bố trí kinh phí phải được thể hiện trong quyết định tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước do các đơn vị tiếp nhận viện trợ tự thu xếp.

Chương II
QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ

Điều 6. Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ gồm:

1. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ.

2. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ.

3. Thực hiện tiếp nhận viện trợ.

Điều 7. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ

1. Không quá 01 ngày làm việc, kể từ khi tiếp nhận thông tin của Bên viện trợ, cơ quan chủ quản giao một đơn vị trực thuộc làm chủ khoản viện trợ.

2. Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên viện trợ để thống nhất các nội dung chính của khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ gồm: hình thức viện trợ, giá trị khoản viện trợ, số lượng và giá trị phân bổ, cách thức và địa điểm tiếp nhận và các nội dung khác liên quan.

Điều 8. Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

1. Thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ:

a) Thủ tướng Chính phủ phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo, các khoản viện trợ chưa xác định cơ quan chủ quản, các khoản viện trợ có nội dung nhập khẩu hàng hóa thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của pháp luật;

b) Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này có thẩm quyền phê duyệt việc tiếp nhận các khoản viện trợ không thuộc quy định tại điểm a khoản này.

2. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ:

a) Cơ quan chủ quản gửi văn bản kèm theo hồ sơ trình phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ đến Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì, tổ chức lấy ý kiến các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản hoặc các hình thức lấy ý kiến khác và tổng hợp ý kiến, trình Thủ tướng Chính phủ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ;

c) Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ.

3. Trình tự phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của thủ trưởng các cơ quan, tổ chức nêu tại khoản 2 Điều 2 Nghị định này:

a) Chủ khoản viện trợ lập hồ sơ tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và trình cơ quan chủ quản;

b) Cơ quan chủ quản chủ trì, tổ chức lấy ý kiến của các cơ quan liên quan thông qua hình thức họp lấy ý kiến hoặc các hình thức khác;

c) Cơ quan chủ quản xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ;

d) Thời gian xem xét, phê duyệt quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ tối đa không quá 03 ngày kể từ ngày cơ quan chủ quản nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

4. Hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bao gồm:

a) Tờ trình về việc phê duyệt tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ (nội dung tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này);

b) Văn bản của Bên viện trợ thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ, danh mục các khoản viện trợ (có bản dịch tiếng Việt kèm theo);

c) Các tài liệu khác liên quan đến khoản viện trợ theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Thực hiện tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ

1. Sau khi việc tiếp nhận viện trợ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chủ khoản viện trợ thực hiện các nhiệm vụ sau:

a) Thông báo cho Bên viện trợ về quyết định tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Trình cơ quan chủ quản ban hành văn bản thông báo tới các cơ quan liên quan để phối hợp tiếp nhận viện trợ;

c) Thông báo cho các cơ quan, địa phương có liên quan về kế hoạch hoạt động đối với viện trợ khẩn cấp để cứu trợ bằng hình thức cung cấp chuyên gia và động vật hỗ trợ đi cùng;

d) Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bằng hàng hóa: Chủ khoản viện trợ thực hiện các thủ tục kiểm tra chuyên ngành và các thủ tục hải quan để thông quan hàng hóa theo quy định của pháp luật;

đ) Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ bằng tiền: Chủ khoản viện trợ mở tài khoản tiếp nhận viện trợ (đối với trường hợp chưa có tài khoản tiếp nhận viện trợ) hoặc thông báo tài khoản với Bên viện trợ (đối với trường hợp đã có tài khoản tiếp nhận viện trợ) để tiếp nhận tiền hỗ trợ. Khoản viện trợ khẩn cấp để cứu trợ bằng ngoại tệ phải chuyển vào tài khoản ngoại tệ tại tổ chức tín dụng được cấp phép hoặc bán cho tổ chức tín dụng được cấp phép theo quy định của pháp luật.

2. Căn cứ Quyết định về việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ, chủ khoản viện trợ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tiến hành tiếp nhận và thực hiện viện trợ khẩn cấp để cứu trợ.

Chương III
QUY TRÌNH TIẾP NHẬN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 10. Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai

Quy trình tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gồm:

1. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ.

2. Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

3. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

4. Thực hiện tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ.

Điều 11. Chuẩn bị tiếp nhận viện trợ

1. Cơ quan chủ quản giao cho một đơn vị trực thuộc làm chủ khoản viện trợ để thống nhất với Bên viện trợ về các nội dung chính của khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Chủ khoản viện trợ phối hợp với Bên viện trợ lập Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai theo Mẫu tại Phụ lục II Nghị định này.

Điều 12. Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với các trường hợp sau đây:

a) Khoản viện trợ có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo;

b) Viện trợ mua sắm, cung cấp các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

c) Các khoản viện trợ chưa xác định cơ quan chủ quản.

2. Trình tự, thủ tục quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ

a) Cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị phê duyệt chủ trương tiếp nhận viện trợ kèm theo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để thẩm định;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn gửi văn bản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan về những nội dung chính gồm: sự cần thiết, mục tiêu, nguồn vốn viện trợ, điều kiện của Bên viện trợ (nếu có) và khả năng đáp ứng của phía Việt Nam. Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm thẩm định và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai hoặc trả lời cơ quan chủ quản trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày hết thời hạn lấy ý kiến các cơ quan liên quan đối với trường hợp dự thảo Văn kiện cần giải trình, chỉnh sửa;

d) Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được ý kiến thẩm định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan chủ quản thực hiện giải trình, tiếp thu, hoàn thiện hồ sơ và gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Trong thời hạn tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại đầy đủ hồ sơ, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem xét, trình Thủ tướng Chính phủ;

đ) Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 13. Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai

1. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ: Cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định chủ trương tiếp nhận để phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không quy định tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định này:

a) Cơ quan chủ quản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan;

b) Nội dung lấy ý kiến gồm: Sự phù hợp của khoản viện trợ quốc tế khắc phục hậu quả thiên tai với bối cảnh cụ thể của bộ, ngành, địa phương; sự phù hợp của phương thức tổ chức thực hiện khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai; nguồn vốn; cam kết, điều kiện viện trợ của Bên viện trợ và các bên tham gia (nếu có); khả năng đáp ứng các điều kiện, yêu cầu của Bên viện trợ; hiệu quả, tính bền vững sau khi kết thúc khoản viện trợ;

c) Hồ sơ gửi lấy ý kiến bao gồm: Văn bản trình phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai của cơ quan Chủ khoản viện trợ; văn bản của nhà tài trợ thống nhất với nội dung khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai (thông báo hoặc thỏa thuận viện trợ); dự thảo Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

d) Thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản;

đ) Trên cơ sở ý kiến của các bộ, cơ quan, địa phương có liên quan, cơ quan chủ quản giao chủ khoản viện trợ hoàn chỉnh Văn kiện, trình cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

e) Sau khi Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai được phê duyệt, cơ quan chủ quản thông báo cho Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan, địa phương có liên quan.

Điều 14. Điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ và Quyết định phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai

1. Điều chỉnh nội dung Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ

a) Cơ quan chủ quản có văn bản đề nghị điều chỉnh nội dung của Quyết định chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai gửi Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì lấy ý kiến Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan, thời hạn để các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

c) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp các ý kiến và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương tiếp nhận khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai

a) Đối với các khoản viện trợ quốc tế để khắc phục hậu quả thiên tai quy định tại khoản 1 Điều 12: Cơ quan chủ quản căn cứ Quyết định điều chỉnh chủ trương tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai của Thủ tướng Chính phủ để thực hiện điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai;

b) Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không quy định tại khoản 1 Điều 12:

Trường hợp có sự thay đổi nội dung về mục tiêu, quy mô viện trợ, đơn vị sử dụng viện trợ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, cơ quan chủ quản lấy ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan về các nội dung thay đổi. Trên cơ sở ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan, cơ quan chủ quản quyết định phê duyệt điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

Trường hợp thay đổi các nội dung khác: Cơ quan chủ quản xem xét, quyết định phê duyệt điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai.

Điều 15. Thực hiện tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

Căn cứ nội dung Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đã được cơ quan chủ quản phê duyệt, chủ khoản viện trợ triển khai tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ theo quy định.

Chương IV
QUẢN LÝ KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 16. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai

1. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước được thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, Bên tiếp nhận viện trợ quản lý, sử dụng theo thỏa thuận viện trợ ký với Bên viện trợ phù hợp với quy định pháp luật Việt Nam, điều lệ tổ chức và hoạt động của bên tiếp nhận viện trợ và tuân thủ quy định pháp luật về kế toán.

Điều 17. Mở tài khoản tiếp nhận viện trợ

1. Theo thỏa thuận viện trợ hoặc theo yêu cầu quản lý, Bên tiếp nhận viện trợ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ bằng tiền do Bên tiếp nhận viện trợ trực tiếp quản lý và sử dụng.

2. Trình tự thủ tục mở tài khoản và việc quản lý, sử dụng tài khoản thực hiện theo quy định của Kho bạc Nhà nước.

3. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, Bên tiếp nhận viện trợ có thể mở tài khoản tại ngân hàng thương mại Việt Nam.

Điều 18. Lập kế hoạch tài chính đối với viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

1. Đối với viện trợ thuộc phạm vi ngân sách nhà nước, hàng năm theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước, Bên tiếp nhận viện trợ lập dự toán thu, chi viện trợ không hoàn lại báo cáo cơ quan chủ quản quyết định, gửi cơ quan tài chính đồng cấp để tổng hợp dự toán ngân sách nhà nước, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp có các khoản viện trợ không hoàn lại phát sinh mới mà chưa tổng hợp trong dự toán được cấp có thẩm quyền phân bổ và giao kế hoạch, Bên tiếp nhận viện trợ lập dự toán bổ sung theo quy định pháp luật ngân sách nhà nước hoặc đưa vào dự toán năm sau để làm cơ sở hạch toán ghi thu/ghi chi ngân sách nhà nước.

3. Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước, Bên tiếp nhận viện trợ lập dự toán, báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 19. Quản lý các khoản viện trợ bằng tiền và bằng hàng với những khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước

1. Đối với khoản viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Bên tiếp nhận viện trợ thực hiện chi theo quy định của thỏa thuận viện trợ;

b) Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi theo quy định về quản lý ngân sách nhà nước;

c) Hằng tháng hoặc theo từng lần phát sinh, Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ thủ tục ghi thu ngân sách nhà nước khoản viện trợ không hoàn lại và ghi chi ngân sách nhà nước theo nội dung chi viện trợ theo mục lục ngân sách nhà nước.

2. Đối với khoản viện trợ bằng hàng:

a) Căn cứ vào hồ sơ chứng từ liên quan, thực tế giao nhận hàng, Bên tiếp nhận viện trợ lập thủ tục gửi Kho bạc Nhà nước để ghi thu ghi chi ngân sách nhà nước;

b) Căn cứ hồ sơ, chứng từ, Kho bạc Nhà nước thực hiện kiểm soát chi và ghi thu, ghi chi ngân sách nhà nước;

c) Hồ sơ hải quan và thủ tục hải quan đối với hàng viện trợ không hoàn lại nhập khẩu từ nước ngoài thực hiện theo quy định pháp luật về hải quan.

Điều 20. Về chính sách thuế áp dụng đối với hàng viện trợ

1. Chính sách thuế, phí và lệ phí đối với vốn viện trợ không hoàn lại thực hiện theo quy định pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Thủ tục, hồ sơ xét miễn/hoàn thuế đối với viện trợ không hoàn lại được thực hiện theo pháp luật về quản lý thuế và pháp luật về hải quan.

Điều 21. Hạch toán, kế toán và quyết toán

1. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngân sách nhà nước.

2. Việc hạch toán, kế toán và quyết toán đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức và hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ.

Điều 22. Kiểm toán báo cáo viện trợ

1. Các khoản viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước thuộc đối tượng kiểm toán theo quy định của pháp luật về kiểm toán nhà nước.

2. Các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập đối với các đối tượng thuộc phạm vi theo quy định pháp luật về kiểm toán độc lập hoặc theo yêu cầu của Bên viện trợ và phải tuân thủ các quy định của pháp luật về kiểm toán của Việt Nam.

Chương V
KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ VIỆC TIẾP NHẬN, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ VÀ CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 23. Nguyên tắc kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Kiểm tra, đánh giá thực hiện viện trợ một cách toàn diện, có hệ thống và khách quan nhằm kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

2. Đúng mục tiêu, đối tượng, phạm vi và nội dung của khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các thông tin phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ phải đầy đủ, kịp thời, chuẩn xác, trung thực và minh bạch.

4. Kết quả kiểm tra, đánh giá phải được công khai, minh bạch và phải được lưu trữ đầy đủ.

Điều 24. Nội dung kiểm tra, đánh giá

1. Tình hình triển khai thực hiện tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Chế độ thông tin, báo cáo.

3. Khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ.

4. Các phương án xử lý các tồn tại, khó khăn, vướng mắc, phát sinh trong quá trình tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ.

Điều 25. Cách thức và trình tự thực hiện kiểm tra, đánh giá

1. Kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ được tiến hành thông qua các cách thức sau:

a) Thông qua báo cáo;

b) Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá.

2. Công tác kiểm tra, đánh giá được tiến hành định kỳ (trước, trong và sau khi tiếp nhận viện trợ) và đột xuất (khi cần thiết).

3. Trình tự kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ gồm:

a) Lập và trình duyệt Kế hoạch kiểm tra, đánh giá;

b) Thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá (nếu có);

c) Thông báo Kế hoạch kiểm tra, đánh giá và yêu cầu chuẩn bị tài liệu phục vụ kiểm tra;

d) Tiến hành cuộc kiểm tra, đánh giá;

đ) Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá;

e) Thông báo kết quả kiểm tra và kết thúc kiểm tra, đánh giá.

Điều 26. Trách nhiệm kiểm tra và đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ

1. Cơ quan chủ quản chủ trì phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện khoản viện trợ.

2. Đơn vị sử dụng viện trợ có trách nhiệm cung cấp các thông tin, số liệu liên quan phục vụ công tác kiểm tra và đánh giá việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ.

3. Cơ quan chủ quản chịu trách nhiệm chi trả các khoản chi phí thực hiện kiểm tra, đánh giá, bao gồm: Các khoản công tác phí phát sinh đối với cán bộ, công chức được cử đi làm nhiệm vụ kiểm tra, đánh giá và các khoản chi phí khác liên quan được sử dụng từ nguồn kinh phí của cơ quan chủ quản.

Điều 27. Chế độ thông tin, báo cáo

1. Chế độ thông tin:

a) Chủ khoản viện trợ thực hiện công khai thông tin về khoản viện trợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trên cổng thông tin điện tử, trang thông tin điện tử của chủ khoản viện trợ;

b) Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện công khai đối tượng hỗ trợ, chính sách hỗ trợ, mức hỗ trợ cho các đối tượng trên các phương tiện thông tin đại chúng hoặc niêm yết thông tin tại trụ sở.

2. Chế độ báo cáo:

a) Đơn vị sử dụng viện trợ: báo cáo chủ khoản viện trợ về tình hình triển khai tiếp nhận, sử dụng viện trợ trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc thực hiện khoản viện trợ và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của chủ khoản viện trợ;

b) Chủ khoản viện trợ: Báo cáo cơ quan chủ quản về tình hình tiếp nhận, quản lý và sử dụng khoản viện trợ trong thời gian tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của đơn vị sử dụng viện trợ;

c) Cơ quan chủ quản: Báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính về nội dung tiếp nhận viện trợ trong thời gian tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày quyết định tiếp nhận và phân bổ viện trợ được phê duyệt;

d) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về tình hình tiếp nhận, thực hiện các khoản viện trợ khẩn cấp do thiên tai khi có yêu cầu.

Chương VI
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN TRONG VIỆC TIẾP NHẬN VÀ THỰC HIỆN KHOẢN VIỆN TRỢ QUỐC TẾ KHẨN CẤP ĐỂ CỨU TRỢ VÀ KHẮC PHỤC HẬU QUẢ THIÊN TAI

Điều 28. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản

Ngoài các trách nhiệm quy định tại các Chương I, II, III, IV, V của Nghị định này, cơ quan chủ quản có trách nhiệm:

1. Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu và liên hệ với Bên viện trợ để vận động, tranh thủ viện trợ.

2. Chỉ đạo, hướng dẫn và kiểm tra chủ khoản viện trợ trong việc tiếp nhận, quản lý và thực hiện theo các quy định hiện hành, thực hiện đúng cam kết với Bên viện trợ.

3. Theo dõi, đánh giá việc tiếp nhận và thực hiện các khoản viện trợ; kịp thời phát hiện và xử lý theo thẩm quyền các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và sử dụng viện trợ hoặc thông báo với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

4. Bố trí đầy đủ, kịp thời kinh phí hỗ trợ tiếp nhận theo quyết định đã được phê duyệt.

5. Chịu trách nhiệm trước Chính phủ về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

6. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 27 của Nghị định này.

Điều 29. Trách nhiệm của chủ khoản viện trợ

Ngoài các nhiệm vụ và quyền hạn quy định tại các Chương I, II, III, IV, V của Nghị định này, chủ khoản viện trợ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Tiếp nhận, quản lý và thực hiện khoản viện trợ theo các quy định hiện hành, theo đúng các cam kết với Bên viện trợ. Đối với viện trợ bằng hàng hóa, chủ khoản viện trợ có nhiệm vụ hoàn tất các thủ tục để thông quan trong vòng 48 giờ kể từ thời điểm hàng hóa được chuyển đến Việt Nam nhằm kịp thời phân bổ hàng hóa cho các địa phương (trừ các loại hàng hóa phải thực hiện kiểm tra chuyên ngành).

2. Kịp thời báo cáo với cơ quan chủ quản các vướng mắc, khó khăn, những vi phạm trong quá trình triển khai công tác tiếp nhận và thực hiện viện trợ hoặc thông báo với các cơ quan có thẩm quyền để xử lý.

3. Chịu trách nhiệm trước cơ quan chủ quản về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện viện trợ phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này.

Điều 30. Nhiệm vụ của các cơ quan có liên quan trong việc tiếp nhận, thực hiện khoản viện trợ

1. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Là cơ quan đầu mối quản lý nhà nước viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai;

b) Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt việc tiếp nhận đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ;

c) Tổng hợp và trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận đối với các khoản viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai có nội dung liên quan đến an ninh, quốc phòng, tôn giáo và mua sắm, cung cấp các loại hàng hóa thuộc diện phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định chủ trương tiếp nhận các khoản viện trợ khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai đối với trường hợp chưa xác định được cơ quan chủ quản;

đ) Chỉ đạo các đơn vị giải quyết trong thời gian nhanh nhất đối với các trường hợp liên quan đến hàng hóa viện trợ phải kiểm dịch động vật, thực vật, thuốc thú y, vắc xin phòng chống dịch bệnh, các thiết bị, dụng cụ phục vụ công tác thú y và các mặt hàng khác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn theo quy định của pháp luật.

2. Bộ Tài chính:

a) Cử đầu mối hỗ trợ hướng dẫn, hỗ trợ về thủ tục, để hàng hóa viện trợ được thông quan nhanh chóng;

b) Hướng dẫn về quản lý tài chính đối với vốn viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai thuộc nguồn thu và nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước theo quy định tại Nghị định này theo thẩm quyền;

c) Kiểm tra việc thực hiện các chế độ quản lý tài chính đối với các cơ quan chủ khoản viện trợ, đơn vị sử dụng viện trợ;

d) Tham gia ý kiến đối với việc tiếp nhận các khoản viện trợ theo quy định;

đ) Quản lý tài chính nhà nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách nhà nước.

3. Bộ Quốc phòng:

a) Tham gia phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định và tiếp nhận các khoản viện trợ liên quan đến quốc phòng;

b) Cấp phép cho tàu quân sự nước ngoài, tàu sân bay quân sự nước ngoài vận chuyển hàng viện trợ vào Việt Nam theo các quy định của pháp luật;

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng trong việc quản lý, kiểm soát nhân sự nước ngoài tham gia vận chuyển hàng viện trợ trên tàu, máy bay quân sự nước ngoài đến Việt Nam.

4. Bộ Công an:

a) Tham gia phối hợp kiểm tra các khoản viện trợ có yếu tố an ninh, bí mật Nhà nước thuộc phạm vi quản lý của ngành Công an khi có yêu cầu;

b) Phối hợp kiểm tra, xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến việc quản lý, sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai.

5. Bộ Y tế:

a) Chỉ đạo các đơn vị thực hiện các hoạt động kiểm tra chuyên ngành trong thời gian nhanh nhất đối với các mặt hàng viện trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế theo quy định của pháp luật;

b) Tham gia ý kiến đối với việc tiếp nhận các khoản viện trợ theo quy định.

6. Bộ Công Thương:

Giải quyết các trường hợp liên quan đến việc tiếp nhận các hàng hóa viện trợ thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương theo quy định của pháp luật.

7. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo chức năng, nhiệm vụ được giao vận động quyên góp và tiếp nhận viện trợ khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai; phối hợp trong công tác tiếp nhận đối với hàng hóa viện trợ thuộc lĩnh vực quản lý theo quy định của pháp luật.

8. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Phối hợp với cơ quan chủ quản trong việc xác định nhu cầu hỗ trợ và các phương án thực hiện khoản viện trợ;

b) Chỉ đạo cơ quan chức năng tiếp nhận và phân bổ viện trợ đến các đối tượng thụ hưởng;

c) Theo dõi, kiểm tra việc phân bổ viện trợ đảm bảo nhanh chóng, đúng mức, đúng đối tượng, phù hợp với quy định của pháp luật;

d) Thực hiện đầy đủ chế độ thông tin, báo cáo theo quy định.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 6 năm 2020.

Điều 32. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, QHQT (3). 110

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc